

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 3 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về con

chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lành Văn Khánh

Bà Hà Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh Chu Quốc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số B, đường L, khối G, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Các đương sự đều vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2025, bản tự khai ngày 13/02/2025 của nguyên đơn chị Lương Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng bình thường, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ khi sinh con thứ hai năm 2020, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường

xuyên cãi vã, không thể hoà hợp, mỗi người tự quản lý tiền riêng, tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Nay, chị Lương Thị A xác định không còn tình cảm với anh Chu Quốc H và yêu cầu được ly hôn với anh Chu Quốc H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Chu Ngọc N, sinh ngày 15/12/2010 và Chu Khánh N1, sinh ngày 12/10/2020. Khi ly hôn chị Lương Thị A đề nghị chị là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Chu Quốc H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 25/02/2025 của bị đơn anh Chu Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Quốc H và chị Lương Thị A đã chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu bình thường. Sau đó, gia đình anh bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do gia đình gặp phải biến cố, cả hai không còn tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã. Hiện nay, anh xác định không còn tình cảm với chị Lương Thị A, anh đồng ý Ly hôn với chị Lương Thị A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Chu Ngọc N, sinh ngày 15/12/2010 và Chu Khánh N1, sinh ngày 12/10/2020. Khi ly hôn anh Chu Quốc H đồng ý để chị Lương Thị A là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Chu Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/3/2025, ông Lộc Văn H1 – Trưởng thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Chị Lương Thị A sinh năm 1990 là công dân sinh sống tại: Thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và đã kết hôn với anh Chu Quốc H, sinh năm 1984. Sau khi kết hôn, anh chị cùng sống tại nhà của chị Lương Thị A. Về mâu thuẫn gia đình của chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H chính quyền địa phương không biết do anh chị không thông báo chính quyền địa phương để hoà giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền

hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Lương Thị A được ly hôn với anh Chu Quốc H là có căn cứ; Về con chung: Chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H có 02 con chung tên Chu Ngọc N, sinh ngày 15/12/2010 và Chu Khánh N1, sinh ngày 12/10/2020. Khi ly hôn chị Lương Thị A là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Chu Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị Lương Thị A là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 17/01/2025, chị Lương Thị A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Chu Quốc H. Bị đơn anh Chu Quốc H có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ngày 16/6/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H đều xác định không còn tình cảm với nhau, chị Lương Thị A yêu cầu ly hôn với anh Chu Quốc H và anh Chu Quốc H đồng ý ly hôn. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét xử tại phiên tòa cho thấy trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn về quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và đã ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị A là có căn cứ, do đó cần xử cho chị

Lương Thị A được ly hôn với anh Chu Văn H2 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H có 02 con chung tên là Chu Ngọc N, sinh ngày 15/12/2010 và Chu Khánh N1, sinh ngày 12/10/2020. Khi ly hôn chị Lương Thị A là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Chu Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị A1 ly hôn với anh Chu Quốc H.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển 02, ngày 16/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Chị Lương Thị A và anh Chu Quốc H có 02 con chung tên có 02 con chung tên Chu Ngọc N, sinh ngày 15/12/2010 và Chu Khánh N1, sinh ngày 12/10/2020.

Khi ly hôn chị Lương Thị A là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Chu Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Chu Quốc H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Chu Thị A1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Chu Thị A1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000560 ngày 03/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- ND, BD;
- UBND P. Vĩnh trại, TP. Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Huyền